TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:166A /2020/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 03 tháng 08 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Mai Đăng Thành P - Sinh năm: 1990. Trú tại: số N Đào Duy K, phường N, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Bà Trần Thị H - Sinh năm: 1992. Trú tại: 15/7 kiệt 200 Trần Q, phường Thọ Q, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của ông Mai Đăng Thành P và bà Trần Thị H nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Mai Đăng Thành P và bà Trần Thị H kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2016, tại UBND phường N, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/04/2016. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Mai Đăng Thành P trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Trần Thị H có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND phường N, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cải nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Nay về tình cảm chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa, nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con chung: Tôi và bà Trần Thị H xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Mai Ngọc Tường V, sinh ngày 11/10/2016. Ly hôn chúng tôi thỏa thuận giao con chung Mai Ngọc Tường V cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuôi. Tôi có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/7/2020.

- Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi và bà Trần Thị H không có nợ chung.

* Ý kiến của bà Trần Thị H:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Mai Đăng Thành P có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND phường N, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cải nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Nay về tình cảm chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa, nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con chung: Tôi và ông Mai Đăng Thành P xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Mai Ngọc Tường V, sinh ngày 11/10/2016. Ly hôn chúng tôi thỏa thuận giao con chung Mai Ngọc Tường V cho tôi được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuôi. Ông P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/7/2020.

- Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi và Mai Đăng Thành P ông không có nợ chung.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Mai Đăng Thành P và bà Trần Thị H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa Ông P và bà H lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì Ông P và bà H đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của Ông P và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của Ông P và bà H là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Ông Mai Đăng Thành P và bà Trần Thị H xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Mai Ngọc Tường V, sinh ngày 11/10/2016. Ly hôn Ông P và bà H thống nhất và thỏa thuận giao con chung Mai Ngọc Tường V cho bà Hạnh được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuôi. Ông P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/7/2020.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Ông Mai Đăng Thành P và bà Trần Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung

[6] Ông Mai Đăng Thành P và bà Trần Thị H xác định vợ chồng không có có nợ chung.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000đồng ông Mai Đăng Thành P và bà Trần Thị H phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Mai Đăng Thành P và bà Trần Thị H đã nộp tại biên lai thu số 0006226 ngày 16/ 07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 07 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn Mai Đăng Thành P và bà Trần Thị H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2016 UBND phường N, Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/04/2016 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về nuôi con chung: Ông Mai Đăng Thành P và bà Trần Thị H xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Mai Ngọc Tường V, sinh ngày 11/10/2016. Ly hôn Ông P và bà H thống nhất và thỏa thuận giao con chung Mai Ngọc Tường V cho bà Hạnh được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuôi. Ông P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/7/2020.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Mai Đăng Thành P và bà Trần Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Ông Mai Đăng Thành P và bà Trần Thị H xác định vợ chồng không có có nợ chung.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000đồng ông Mai Đăng Thành P và bà Trần Thị H phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Mai Đăng Thành P và bà Trần Thị H đã nộp tại biên lai thu số 0006226 ngày 16/ 07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường An Hải Đông;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG